

Số: 06/2024/QĐ-PT

Cần Thơ, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Quốc

Bà Hà Thị Phương Thanh

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 72/2023/QĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: số 88A/Mô khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: ông Hồ Hiếu T1, sinh năm 1996; địa chỉ: số B, H, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 28.3.2024).

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Hoàng Y**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Tại đơn kháng cáo ngày 10 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn cho rằng, cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn khởi kiện không đúng đối tượng, ông T không có quyền khởi kiện đối với bà Y nên ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng. Nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Ngày 11/5/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Hoàng Y trả lại quyền sử dụng đất, bà Y không được ngăn cản ông sử dụng các thửa đất 835, 836, 837 do nguyên đơn nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Nhi N ngày 06/01/2020,

đất tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Đến ngày 31/7/2023, ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Y trả lại quyền sử dụng đất thửa 835, 836, 837 và buộc gia đình bà Y tháo dỡ hàng rào trên đất, không được ngăn cản ông quản lý, sử dụng đất.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2023 (bút lục 132 – 133), ghi nhận:

“Vị trí, diện tích đất theo các giấy chứng nhận số CS03308 và CS03307 (do Sở T2 cấp ngày 23/8/2016, chỉnh lý sang tên cho Nguyễn Thành T ngày 20/8/2020) do bà Hoàng Thị N1 đang sử dụng.

Vị trí đất tranh chấp theo sự mô tả của nguyên đơn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00746, do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 25/8/2011.”

Cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung biên bản xem xét, thẩm định nêu trên để xác định, đất do nguyên đơn tranh chấp do bà Hoàng Thị N1, ông Trần Văn N2 quản lý, sử dụng, bà Y không sử dụng các thửa 835, 836, 837 nên nguyên đơn khởi kiện không đúng đối tượng, nguyên đơn không có quyền khởi kiện đối với bị đơn bà Y, đồng thời ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, vấn đề này, Hội đồng xét hợp phúc thẩm thấy rằng:

Cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập lời khai của bà Y, bà N1 và ông N2 để làm rõ ai là người sử dụng đất tranh chấp. Bà N1, ông N2 không tham gia chứng kiến việc đo đạc, thẩm định, còn bà Y có ý kiến: *“bà không đồng ý cho đo đất”* nên việc ghi nhận trong Biên bản xem xét, thẩm định, xác định: bà N1 và ông N2 sử dụng đất tranh chấp, còn bà Y không sử dụng là chưa đủ căn cứ. Trong khi đó, tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện P (Bút lục A – 202), bà Y trình bày: *“...bà canh tác đất tranh chấp từ xưa đến bây giờ, bà Nhi N và ông T không canh tác nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T”*. Như vậy, bà Y thừa nhận có sử dụng đất tranh chấp nên ông T khởi kiện đối với bà Y là phù hợp.

Hơn nữa, ngoài yêu cầu trả lại đất, nguyên đơn còn khởi kiện yêu cầu bà Y và gia đình phải tháo dỡ hàng rào trên đất, không được ngăn cản nguyên đơn quản lý, sử dụng đất. Nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ ai là người rào chắn, bao chiếm đất (có hay không sự việc như nguyên đơn trình bày) để xem xét giải quyết. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, trong đó có yêu cầu của đương sự chưa được xem xét giải quyết cũng là không

đúng.

Từ những vấn đề phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên họp.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 72/2023/QĐ - ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phong Điền để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Được xem xét quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Nguyên đơn ông được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001668, ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND H. Phong Điền;
- Chi cục THADS H. Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

Võ Bảo Anh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 72-DS:

(1) và (3) Ghi tên Tòa án ra quyết định. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(2) Trường hợp quyết định giải quyết việc kháng cáo thì bỏ hai chữ “kháng nghị”; nếu quyết định giải quyết việc kháng nghị bỏ hai chữ “kháng cáo”. Trường hợp giải quyết kháng cáo (hoặc kháng nghị) đối với quyết định tạm đình chỉ thì bỏ chữ “đình chỉ”; nếu giải quyết kháng cáo (hoặc kháng nghị), đối với quyết định đình chỉ thì bỏ chữ “tạm đình chỉ”

(4) Ghi ngày, tháng, năm, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên của người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày... tháng... năm... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị, thì ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị và số, ngày, tháng, năm kháng nghị, nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(5) Ghi cụ thể lý do của việc kháng cáo, kháng nghị.

(6) Nêu phần nhận định, phân tích của Hội đồng phúc thẩm về các lý do của kháng cáo, kháng nghị, những căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

(7) Ghi quyết định của Hội đồng phúc thẩm theo một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(8) Quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự (nếu thuộc trường hợp phải nộp án phí phúc thẩm, thì ghi rõ trong quyết định số tiền phải nộp là bao nhiêu; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn) tiền án phí phúc thẩm, thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn) tiền án phí phúc thẩm).